

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dân số.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Dân số; Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng cơ quan Y tế các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các ban, bộ, ngành, tổ chức chính trị-xã hội Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, CDS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Xuân Tuyên

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**HƯỚNG DẪN****TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Căn cứ khoản 3 Điều 10 Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10/12/2025, Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số. Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về dân số, đó là “Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc” để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số gắn với phát triển nhanh và bền vững đất nước. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về thực hiện công tác dân số. Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức và cá nhân; bảo đảm triển khai thống nhất, hiệu quả Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời phát huy vai trò của truyền thông chính sách trong tổ chức thi hành pháp luật và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với công tác dân số.

2. Yêu cầu

- Chính xác, khoa học, kịp thời, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực.
- Bảo đảm sự thống nhất, tính đồng bộ về nội dung, thông điệp truyền thông từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.
- Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, đạo đức xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, phát huy giá trị gia đình, gắn kết cộng đồng, xóa bỏ định kiến giới.
- Truyền thông phải lấy người dân làm trung tâm, hướng tới thay đổi hành vi, phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng được truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.
- Kết hợp giữa truyền thông truyền thống và hiện đại, đặc biệt là tận dụng lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội; phù hợp với tình hình và thực trạng dân số trong từng thời kỳ.

II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

1. Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số

- Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng thông qua truyền thông, vận động, giáo dục:

+ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân số. Truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Truyền thông chính sách đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về dân số trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng chính sách, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và hiệu quả thi hành pháp luật sau khi văn bản được ban hành.

2. Các nội dung truyền thông, vận động, giáo dục chung

2.1. Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân

- Tiếp tục thực hiện truyền thông vận động về việc mỗi cá nhân, cặp vợ chồng quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, thu nhập và nuôi dạy con của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng. Đẩy mạnh tuyên truyền việc sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá dày đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao chất lượng dân số.

- Tuyên truyền các quy định tại Điều 14 Luật Dân số năm 2025; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định về điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai; mức hỗ trợ tài chính và trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ tài chính khi sinh con.

- Truyền thông về hệ lụy khi mức sinh giảm thấp: Mức sinh thấp kéo dài sẽ tác động trực tiếp đến quy mô, cấu trúc, chức năng của gia đình và ảnh hưởng đến khả năng duy trì quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội trong dài hạn; kéo theo nhiều hệ lụy như thiếu hụt lực lượng lao động, thu hẹp quy mô dân số, đẩy nhanh quá trình già hóa dân số và gia tăng các dòng di cư.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số

- Truyền thông nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; đồng thời làm rõ lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số. Đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số, tích cực vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân chủ động thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, chủ động chuẩn bị cho tuổi già, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

- Vai trò của Nhà nước là cung cấp đầy đủ thông tin khoa học, đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ về y tế, việc làm, an sinh xã hội và chăm sóc trẻ em, nhằm tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền sinh con một cách an toàn, chủ động và có trách nhiệm. Hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về công tác dân số trên không gian mạng.

2.3. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tăng cường truyền thông, giáo dục về các quy định tại Điều 15 Luật Dân số năm 2025 về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; quy định xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi theo Nghị định số 90/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế; các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; nghiêm cấm thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi, trừ trường hợp quy định tại Thông tư số 11/2026/TT-BYT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục các bệnh được thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phục vụ chẩn đoán và điều trị; thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy của mất

cân bằng giới tính khi sinh đối với sự phát triển bền vững của mỗi địa phương và đất nước.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về giới và bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Nâng cao trách nhiệm của nam giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản và nuôi dạy con, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Khuyến khích, khen thưởng đưa nội dung không trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2.4. Thích ứng với già hóa dân số, chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng, các biện pháp thích ứng với già hóa dân số, chủ động chuẩn bị cho tuổi già, phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc người cao tuổi; hỗ trợ nâng cao năng lực tự chăm sóc và khả năng tham gia các hoạt động xã hội của người cao tuổi phù hợp mức độ tự chủ, nhu cầu của từng nhóm người cao tuổi. Khuyến khích người cao tuổi tiếp tục phát huy kinh nghiệm, tri thức, kỹ năng, tham gia lao động phù hợp, hoạt động xã hội; xây dựng gia đình, cộng đồng và phát triển đất nước.

- Vận động xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, hạnh phúc, tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp cận thuận lợi các dịch vụ y tế, chăm sóc xã hội, văn hóa, giáo dục, công nghệ số và giao thông phù hợp.

- Cung cấp kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để người cao tuổi duy trì, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội. Tuyên truyền, vận động, giáo dục về các nội dung chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo hướng dẫn tại Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng. Truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống bạo lực, ngược đãi, lừa đảo và các hành vi xâm hại người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe tinh thần, chống cô đơn, cô lập xã hội đối với người cao tuổi.

2.5. Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dân số

- Truyền thông, vận động, giáo dục sâu rộng về lợi ích của việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, giúp nam, nữ thanh niên chủ động tầm soát các bệnh di truyền và truyền nhiễm nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khuyến khích mọi gia đình thực hiện

sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh theo danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh của Bộ Y tế.

- Tiếp tục truyền thông, vận động, giáo dục các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, hệ lụy của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống nhằm xóa bỏ nạn tảo hôn và kết hôn cận huyết thống, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời cảnh báo các hệ lụy nghiêm trọng của việc mang thai và sinh con ở tuổi chưa thành niên đối với sức khỏe của cả mẹ và bé. Ưu tiên cung cấp kiến thức toàn diện về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục cho các nhóm đối tượng đặc thù như người chưa thành niên, thanh niên và công nhân tại các khu công nghiệp, góp phần dự phòng vô sinh, giảm mang thai ngoài ý muốn, giảm phá thai không an toàn và nâng cao chất lượng dân số.

2.6. Giáo dục dân số phù hợp trong từng cấp học

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường; bảo đảm trang bị cho thế hệ trẻ hệ thống kiến thức và kỹ năng đúng đắn, phù hợp. Đồng thời, lồng ghép phổ biến các quy định pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, trẻ em và các lĩnh vực có liên quan phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo, góp phần hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên ngay từ trong nhà trường.

III. ĐỐI TƯỢNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC

1. Đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

Đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số là cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có quyền được tiếp nhận thông tin, giáo dục, truyền thông về dân số và tham gia truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

2. Các nhóm đối tượng ưu tiên truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

- Người chưa thành niên;
- Người trong độ tuổi sinh sản;
- Người cao tuổi;
- Người di cư, người khuyết tật, người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm;
- Người dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc thiểu số rất ít người;
- Người sử dụng lao động.

IV. HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

Các hình thức truyền thông, vận động, giáo dục về dân số bao gồm: Trực tiếp; gián tiếp và chiến dịch, sự kiện, triển lãm, cuộc thi về dân số (cuộc thi tìm

hiệu, cuộc thi trên nền tảng số...) và hình thức khác (các mô hình truyền thông, giáo dục trong và ngoài nhà trường...). Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong truyền thông dân số; khuyến khích truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và các phương thức truyền thông hiện đại đa phương tiện nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận người dân.

Xây dựng, sản xuất và cung cấp định kỳ các tài liệu và sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển, bao gồm: tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, pa nô, áp phích, bản tin chuyên đề, phóng sự, ký sự, phim ngắn, video clip, đồ họa, thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh, phát thanh số (podcast), nội dung truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội và các sản phẩm phù hợp khác. Ưu tiên phát triển các sản phẩm phục vụ các sự kiện về dân số trong năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Y tế

- Cục Dân số

+ Xây dựng và trình Bộ Y tế hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phù hợp nhiệm vụ trọng tâm của từng năm; trình phê duyệt các nội dung liên quan đến các hoạt động truyền thông dân số do lãnh đạo Bộ Y tế chủ trì.

+ Chủ trì xây dựng, sản xuất và cung cấp định kỳ hằng năm các sản phẩm truyền thông về dân số; trong đó chú trọng sản xuất các sản phẩm truyền thông phục vụ các sự kiện về dân số trong năm, bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền; hướng dẫn các địa phương tổ chức sử dụng hiệu quả.

+ Phối hợp chia sẻ dữ liệu, thông tin, tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số trên Cổng Pháp luật quốc gia, tiếp tục đẩy mạnh truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với các đối tượng đặc thù thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Đăng tải, cập nhật đầy đủ nội dung, thông tin về công tác dân số trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế, Trang thông tin điện tử Cục Dân số.

+ Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, nhất là các cơ quan báo chí chủ lực quốc gia tuyên truyền, phổ biến các nội dung truyền thông dân số.

+ Tổ chức biên soạn tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng truyền thông, truyền thông số, kỹ năng sản xuất sản phẩm truyền thông cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp.

+ Phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá mức độ thay đổi nhận thức và hành vi của người dân.

- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Cục Dân số tổ chức, triển khai, thực hiện truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo quy định của pháp luật.

2. Ban, bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương

- Phối hợp với Bộ Y tế tổ chức triển khai thực hiện truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

- Ban, bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí chủ động, phối hợp với cơ quan quản lý về dân số trong việc thực hiện truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Giao Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển chỉ đạo cơ quan thuộc thành viên Ban Chỉ đạo phối hợp với Sở Y tế thực hiện truyền thông, vận động, giáo dục về dân số tại địa phương và giám sát hoạt động.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trong các cơ sở giáo dục và nhà trường.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; ban/bộ/ngành, tổ chức chính trị-xã hội bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo quy định.

Khuyến khích lồng ghép với các chương trình, dự án có liên quan; ưu tiên bố trí nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và các khu công nghiệp tập trung đông lao động và các địa bàn còn nhiều khó khăn về công tác dân số; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp, bao gồm nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.